TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST
Ngày 15/01/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sầm Thị Minh Khuyên.

2. Bà Hoàng Thị Thanh Tâm.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Thượng Thống- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 154/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Khắc T1,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Khắc T1 tự nguyện kết hôn ngày 10/3/2008, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do anh T1 cờ bạc quá nhiều lần, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thay đổi, còn ghen tuông vô cớ chửi vợ nhiều lần. Chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 5 năm

2018 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 09/3/2009 và Phạm Khắc T2 sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H giao nộp phiếu thanh toán lương của Công ty TNHH SIBV tháng 7, 8, 9 năm 2023 thể hiện chị Phạm Thị H có thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Phạm Thảo U có nguyện vọng muốn ở với mẹ Phạm Thị H.

Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với bà Phạm Thị Đ - mẹ đẻ anh T1 cho biết: Chị H và anh T1 kết hôn có đăng ký năm 2008 tại UBND xã M, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bà Động tại Thôn T, xã M, huyện V được một thời gian thì hai vợ chồng ra ngoài làm ăn. Trong quá trình chung sống chị H và anh T1 có xích mích, anh T1 có chơi bời cờ bạc nên vợ chồng cãi nhau. Đến năm 2018 chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ chồng ly thân. Đến năm 2022, hai vợ chồng cũng tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Chị H viết đơn xin ly hôn anh T1 biết nhưng bận không về, anh chị có 02 con chung là Phạm Thảo U sinh năm 2009 và Phạm Khắc T2 năm 2018. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị H.

Tại biên bản xác minh với tổ trưởng Thôn T, xã M cho biết: Anh T1 chị H kết hôn năm 2008 tại UBND xã M, sau kết hôn anh chị sống chung tại Thôn T, xã M, quá trình chung sống có mâu thuân nguyên nhân do anh T1 chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng xích mích cãi nhau, anh T1 chị H sống ly thân từ 2018 cho đến nay, anh chị đều đi làm ăn, anh Tường vẫn về nhà nhưng chỉ về ngày cuối tuần. Về con chung anh chị T1 H có 02 con chung là Phạm Thảo U sinh năm 2009 và Phạm Khắc T sinh năm 2018. Từ khi ly thân đến nay hai cháu ở cùng với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Khắc T1; về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Phạm Thảo U và Phạm Khắc T2, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí, quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Khắc T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Phạm Khắc T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Phạm Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Phạm Khắc T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Khắc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 10/3/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị H cho rằng năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do anh T1 cờ bạc nhiều lần, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thay đổi, còn ghen tuông vô cớ chửi vợ nhiều lần. Chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh T1 xác định trong quá trình sống chung chị H và anh T1 có mâu thuẫn, xích mích, anh T1 có chơi bời cờ bạc nên vợ chồng cãi nhau. Đến năm 2018 chị H về nhà bố mẹ đẻ và hai vợ chồng ly thân, năm 2022, hai vợ chồng cũng tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 09/3/2009 và Phạm Khắc T2 sinh ngày 01/01/2018. Chị H có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Con chung Phạm Thảo U có nguyện vọng muốn được ở với mẹ; hiện cả cháu U và cháu T đều đang sinh sống cùng chị H; chị H có mức thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng; anh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, không thể hiện ý kiến của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế hai con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H có thu nhập bảo đảm để nuôi con nên việc giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Khắc T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 09/3/2009 và Phạm Khắc T2 sinh ngày 01/01/2018, anh Phạm Khắc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2022/0001350 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã M
(số ĐK 04 ngày 10/3/2008);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh